

Số: 517/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn;
quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ HAI MƯỜI BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của
Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05
năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch
tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân
sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;*

*Xét Báo cáo số 187/BC-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán
thu, chi ngân sách địa phương năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 980/BC-KTNS
ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến
thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại
Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa
bàn tỉnh Hưng Yên như sau:

Đơn vị: Đồng

Thu NSNN trên địa bàn (I=II)

I. Theo nội dung	32.491.173.711.367
1 Các khoản thu từ thuế	20.002.483.906.235
2 Các khoản thu từ phí, lệ phí	535.501.749.783
3 Các khoản thu ngoài thuế, phí, lệ phí	11.953.188.055.349
<i>Trong đó: Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>5.817.216.780.988</i>
II. Theo khu vực	32.491.173.711.367

1. Thu nội địa	28.749.464.845.206
2. Thu xuất nhập khẩu	3.698.620.534.536
3. Các khoản huy động, đóng góp	43.088.331.625

Điều 2. Phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023 với các nội dung như sau:

Đơn vị: Đồng

A. THU - CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

I. Thu ngân sách địa phương	78.186.254.907.819
- Thu NSNN theo phân cấp	28.151.169.244.686
+ <i>Thu nội địa</i>	28.108.080.913.061
+ <i>Thu xuất nhập khẩu</i>	0
+ <i>Các khoản huy động, đóng góp</i>	43.088.331.625
- Thu chuyển giao ngân sách	8.737.630.504.202
+ <i>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</i>	8.652.040.924.311
+ <i>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</i>	85.589.579.891
- Thu chuyển nguồn năm trước	12.881.758.382.205
- Thu kết dư ngân sách năm trước	28.415.696.776.726
II. Chi ngân sách địa phương	52.962.614.442.270
- Chi ngân sách nhà nước	21.055.117.675.953
+ <i>Chi đầu tư phát triển</i>	13.051.687.941.555
+ <i>Chi trả nợ lãi, phí tiền vay</i>	2.841.965.855
+ <i>Chi thường xuyên</i>	7.999.587.768.543
+ <i>Chi bổ sung quỹ dự trữ Tài chính</i>	1.000.000.000
- Chi chuyển nguồn	25.751.843.536.638
- Chi chuyển giao ngân sách	6.147.577.040.364
+ <i>Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới</i>	6.049.722.924.311
+ <i>Chi nộp ngân sách cấp trên</i>	97.854.116.053

- Chi trả nợ gốc	8.076.189.315
III. Kết dư (I-II)	25.223.640.465.549
B. THU CHI NSDP THEO TỪNG CẤP NGÂN SÁCH	
I. Thu ngân sách địa phương	78.186.254.907.819
- Ngân sách cấp tỉnh	53.597.519.859.228
- Ngân sách cấp huyện	16.559.828.153.897
- Ngân sách xã	8.028.906.894.694
II. Chi ngân sách địa phương	52.962.614.442.270
- Ngân sách cấp tỉnh	33.508.168.208.413
- Ngân sách cấp huyện	12.904.832.948.654
- Ngân sách xã	6.549.613.285.203
III. Chênh lệch thu - chi (kết dư)	25.223.640.465.549
- Ngân sách cấp tỉnh	20.089.351.650.815
- Ngân sách cấp huyện	3.654.995.205.243
- Ngân sách xã	1.479.293.609.491
IV. Xử lý kết dư như sau	
1. Kết dư ngân sách cấp tỉnh: 20.089.351 triệu đồng dùng để chi trả nợ, trích bổ sung quỹ dự trữ tài chính, chuyển vào thu ngân sách năm sau theo quy định.	
Các nội dung theo dõi trong kết dư: 18.920.489 triệu đồng đưa vào thu ngân sách năm 2024, bao gồm:	
1.1. Tiền xổ số kiến thiết	
- Tăng thu năm 2021 chưa phân bổ: 2.273 triệu đồng.	
- Tăng thu năm 2022: 752 triệu đồng.	
- Tăng thu năm 2023: 3.272 triệu đồng.	
1.2. Tiền sử dụng đất	
- Tăng thu năm 2022 tiền sử dụng đất chưa phân bổ: 17.735.005 triệu đồng.	
1.3. Nguồn tăng thu còn lại sau khi trích lập nguồn CCTL theo quy định: 193.631 triệu đồng bổ sung nguồn đảm bảo xã hội cấp tỉnh năm 2024 để thực hiện các chính sách an sinh xã hội.	
1.4. Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa: 896.050 triệu đồng.	